

**CÔNG TY TNHH  
HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023



**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 23

## CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Prateek Aggarwal	Chủ tịch
Ông Sundaram Sridharan	Thành viên
Ông Shiv Kumar Walia	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Sundaram Sridharan	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Long	Tổng Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Sundaram Sundharan**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2023



Số: 727/2023/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các thành viên Hội đồng thành viên  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 06 năm 2023 từ trang 05 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)****Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2023



**Nguyễn Thị Bích Thảo**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
4341-2019-026-1



**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/03/2023

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>Tại ngày 01/04/2022</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>28.574.991.413</b>	<b>26.923.922.787</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>8.038.800.282</b>	<b>11.011.692.877</b>
1. Tiền	111	4.1	8.038.800.282	11.011.692.877
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.339.847.943</b>	<b>12.350.289.537</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	16.413.868.430	8.939.677.687
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	1.184.508.188	1.135.957.425
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		30.928.979	2.274.654.425
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(1.289.457.654)	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.5	<b>953.316.656</b>	<b>1.106.025.061</b>
1. Hàng tồn kho	141		953.316.656	1.394.478.308
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(288.453.247)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.243.026.532</b>	<b>2.455.915.312</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	142.704.597	318.693.068
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	3.100.321.935	2.003.348.064
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	133.874.180
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>13.968.956.954</b>	<b>3.844.877.816</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.734.544.413</b>	<b>836.896.671</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	8.734.544.413	836.896.671
Nguyên giá	222		10.762.487.845	1.368.016.727
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.027.943.432)	(531.120.056)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.234.412.541</b>	<b>3.007.981.145</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	4.335.021.365	2.699.517.989
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		899.391.176	308.463.156
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>42.543.948.367</b>	<b>30.768.800.603</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/03/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2023	Tại ngày 01/04/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>36.057.313.150</b>	<b>25.163.333.121</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>30.154.313.150</b>	<b>19.420.833.121</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	17.652.915.489	11.757.733.414
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.9	6.121.030.637	3.949.197.315
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	650.459.155	97.160.935
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	5.064.301.809	3.234.088.912
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		665.606.060	382.652.545
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.903.000.000</b>	<b>5.742.500.000</b>
1. Vay dài hạn	338	4.12	5.903.000.000	5.742.500.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>6.486.635.217</b>	<b>5.605.467.482</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.13	<b>6.486.635.217</b>	<b>5.605.467.482</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.144.500.000	1.144.500.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.342.135.217	4.460.967.482
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.460.967.482	2.816.727.817
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		881.167.735	1.644.239.665
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>42.543.948.367</b>	<b>30.768.800.603</b>

Phê duyệt

Người lập

Nguyễn Thị Thảo  
Phụ trách Kế toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2023



**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		24.494.387.039	16.792.398.593
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		2.110.536	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	24.492.276.503	16.792.398.593
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	20.783.570.067	13.958.363.522
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.708.706.436	2.834.035.071
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	654.361.327	161.628.822
7. Chi phí tài chính	22	5.4	1.311.729.513	162.512.715
Trong đó, chi phí lãi vay	23		293.368.167	76.459.237
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	1.940.917.563	981.029.856
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.110.420.687	1.852.121.322
10. Thu nhập khác	31		2.663.162	-
11. Chi phí khác	32		563.917	6.381.867
12. Lợi nhuận khác	40		2.099.245	(6.381.867)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.112.519.932	1.845.739.455
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	822.280.217	340.069.737
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(590.928.020)	(138.569.947)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		881.167.735	1.644.239.665

Phê duyệt

Người lập

**Nguyễn Thị Thảo**  
Phụ trách Kế toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.112.519.932	1.845.739.455
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.6	1.496.823.376	365.014.538
Các khoản dự phòng	03		1.001.004.407	288.453.247
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		194.776.077	(94.346.302)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.938.246)	(1.587.814)
Chi phí lãi vay	06	5.4	293.368.167	76.459.237
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.095.553.713	2.479.732.361
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.369.221.472)	(1.132.966.220)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		441.161.652	(104.078.638)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.193.479.355	3.768.162.485
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.459.514.905)	18.539.661
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(469.181.930)	(545.911.029)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		6.432.276.413	4.483.478.620
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21		(9.394.471.118)	(535.556.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	183.576.118
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.938.246	1.587.814
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(9.391.532.872)	(350.392.795)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		-	-
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)</b>	50		(2.959.256.459)	4.133.085.825
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.011.692.877	6.908.819.296
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(13.636.136)	(30.212.244)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)</b>	70	4.1	8.038.800.282	11.011.692.877

Phê duyệt

Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2023

Nguyễn Thị Thảo  
Phụ trách Kế toán



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5438725492 ngày 16 tháng 04 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 02 năm 2020;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315017737 ngày 27 tháng 04 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 02 năm 2019.

Vốn đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là 50.000 USD (tương đương 1.137.500.000 VND), được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/03/2023		Tại ngày 01/04/2022	
		Giá trị (USD)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (USD)	Tỷ lệ (%)
HCL Technologies UK Limited	Anh	50.000	100,00	50.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 là 6 (31/03/2022: 7).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy tính;
- Dịch vụ tư vấn phát triển và thực hiện phần mềm;
- Dịch vụ xử lý dữ liệu, dịch vụ cơ sở dữ liệu và dịch vụ truyền dẫn dữ liệu và tin;
- Dịch vụ máy tính khác;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 04 năm trước đến ngày 31 tháng 03 năm nay.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Ngoại tệ**

Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá Bloomberg.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**3.4. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập theo hướng dẫn chính sách kế toán của Tập đoàn để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn chính sách kế toán của Tập đoàn để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho thiết bị, dụng cụ quản lý là 05 năm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là công cụ dụng cụ xuất dùng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.8. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.9. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.10. Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**3.11. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

**3.12. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa và dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**3.13. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.

**3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về thuê, phí, lệ phí; chi phí dự phòng phải thu khó đòi và chi phí dịch vụ mua ngoài (phí dịch vụ chuyên ngành,...).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.15. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- |             |     |
|-------------|-----|
| ▪ Xuất khẩu | 0%  |
| ▪ Nội địa   | 10% |

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.16. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

*(Xem trang tiếp theo)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	<b>Tại ngày 31/03/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/04/2022 VND</b>
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.038.800.282	11.011.692.877

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>Tại ngày 31/03/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/04/2022 VND</b>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 6	7.747.046.931	5.743.433.922
Phải thu từ khách hàng:		
GlaxoSmithKline Consumer Healthcare	2.682.419.765	-
Ericsson AB	2.099.762.052	1.156.610.353
Hitachi Energy Ltd.	1.241.321.528	-
Các khách hàng khác (*)	2.643.318.154	2.039.633.412
<b>Cộng</b>	<b>16.413.868.430</b>	<b>8.939.677.687</b>

(\*) Tại ngày 31/03/2023, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 31/03/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/04/2022 VND</b>
Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm Mục 6	1.126.110.265	1.133.169.425
Phải trả cho các đối tượng khác	58.397.923	2.788.000
<b>Cộng</b>	<b>1.184.508.188</b>	<b>1.135.957.425</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.4. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/03/2023		Tại ngày 01/04/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.411.957.074	1.122.499.420	-	-
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:				

	Tại ngày 31/03/2023			Tại ngày 01/04/2022		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn (tháng)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn (tháng)
Ericsson AB	2.025.416.355	872.228.600	06 - 24	-	-	-
Aktiebolaget SKF	386.540.719	250.270.820	06 - 24	-	-	-
Cộng	2.411.957.074	1.122.499.420		-	-	

**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2023		Tại ngày 01/04/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	724.365.985	-	1.064.729.741	-
Hàng hóa	228.950.671	-	329.748.567	(288.453.247)
<b>Cộng</b>	<b>953.316.656</b>	-	<b>1.394.478.308</b>	<b>(288.453.247)</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.6. Chi phí trả trước**

	<b>Tại ngày 31/03/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/04/2022 VND</b>
<b>Ngắn hạn:</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	108.842.206	154.724.994
Các khoản khác	33.862.391	163.968.074
<b>Cộng</b>	<b>142.704.597</b>	<b>318.693.068</b>
<b>Dài hạn:</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.335.021.365	2.699.517.989

**4.7. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý VND</b>
<b>Nguyên giá:</b>	
Tại ngày 01/04/2022	1.368.016.727
Mua trong năm	9.394.471.118
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>10.762.487.845</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Tại ngày 01/04/2022	531.120.056
Khấu hao trong năm	1.496.823.376
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>2.027.943.432</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Tại ngày 01/04/2022	836.896.671
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>8.734.544.413</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2023		Tại ngày 01/04/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 6	17.363.040.532	17.363.040.532	9.767.001.903	9.767.001.903
Phải trả cho các đối tượng khác	289.874.957	289.874.957	1.990.731.511	1.990.731.511
<b>Cộng</b>	<b>17.652.915.489</b>	<b>17.652.915.489</b>	<b>11.757.733.414</b>	<b>11.757.733.414</b>

**4.9. Người mua trả trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2023 VND	Tại ngày 01/04/2022 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan - Xem thêm Mục 6	4.719.435.445	3.949.197.315
IBM Corporation	1.401.119.974	-
Các khách hàng khác	475.218	-
<b>Cộng</b>	<b>6.121.030.637</b>	<b>3.949.197.315</b>

**4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/03/2023 VND	Số phát sinh VND	Số đã khấu trừ VND	Tại ngày 01/04/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	3.100.321.935	1.895.232.188	(798.258.317)	2.003.348.064
	Tại ngày 31/03/2023 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/04/2022 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu      Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	219.224.107	822.280.217	(469.181.930)	133.874.180      -
Thuế thu nhập cá nhân	-	36.890.636	(36.890.636)	-      -
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	431.235.048	334.074.113	-	-      97.160.935
Cộng	650.459.155	1.193.244.966	(506.072.566)	133.874.180      97.160.935

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2023 VND	Tại ngày 01/04/2022 VND
Chi phí dịch vụ IT từ bên thứ ba	2.359.352.098	1.613.907.207
Chi phí dịch vụ IT từ các bên liên quan - Xem thêm Mục 6	511.406.689	876.257.867
Chi phí lãi vay - Xem thêm Mục 6	725.212.593	448.345.688
Chi phí lương tháng 13 và thưởng	226.660.740	216.594.887
Chi phí phải trả khác	1.241.669.689	78.983.263
<b>Cộng</b>	<b>5.064.301.809</b>	<b>3.234.088.912</b>

**4.12. Vay dài hạn**

Là khoản vay từ bên liên quan theo hợp đồng vay ngày 08 tháng 08 năm 2018, thời hạn 6 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, với mức lãi suất bằng lãi suất Libor + 100 bps - Xem thêm Mục 6.

**4.13. Vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/04/2021	1.144.500.000	2.816.727.817	3.961.227.817
Lãi trong năm trước	-	1.644.239.665	1.644.239.665
Tại ngày 01/04/2022	1.144.500.000	4.460.967.482	5.605.467.482
Lãi trong năm nay	-	881.167.735	881.167.735
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>1.144.500.000</b>	<b>5.342.135.217</b>	<b>6.486.635.217</b>

**4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/03/2023	Tại ngày 01/04/2022
Ngoại tệ các loại:		
USD	87.411,13	258.224,31

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.055.823.616	16.792.398.593
Doanh thu bán hàng	2.438.563.423	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.110.536)	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>24.492.276.503</b>	<b>16.792.398.593</b>
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 6	12.625.598.852	11.489.809.999

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.018.595.850	13.958.363.522
Giá vốn hàng bán	1.764.974.217	-
<b>Cộng</b>	<b>20.783.570.067</b>	<b>13.958.363.522</b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Lãi chênh lệch tỷ giá	630.876.269	56.138.141
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.938.246	1.587.814
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	94.346.302
Doanh thu tài chính khác	20.546.812	9.556.565
<b>Cộng</b>	<b>654.361.327</b>	<b>161.628.822</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Chi phí lãi vay - Xem thêm Mục 6	293.368.167	76.459.237
Lỗ chênh lệch tỷ giá	823.585.269	86.053.478
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	194.776.077	-
<b>Cộng</b>	<b>1.311.729.513</b>	<b>162.512.715</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Thuế, phí và lệ phí	151.174.317	49.725.729
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.289.457.654	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	500.285.592	929.207.127
Chi phí dịch vụ chuyên ngành	420.868.230	571.420.622
Chi phí khác	79.417.362	357.786.505
Chi phí bằng tiền khác	-	2.097.000
<b>Cộng</b>	<b>1.940.917.563</b>	<b>981.029.856</b>

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Chi phí mua hàng thương mại	1.764.974.217	-
Chi phí nhân công	2.323.888.306	3.169.214.319
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.496.823.376	365.014.538
Chi phí dự phòng	1.001.004.407	288.453.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.137.797.324	11.116.711.274
<b>Cộng</b>	<b>22.724.487.630</b>	<b>14.939.393.378</b>

**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	822.558.773	386.734.807
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(278.556)	(46.665.070)
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>822.280.217</b>	<b>340.069.737</b>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	1.112.519.932	1.845.739.455
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	5.183.848.219	3.502.791.367
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(2.183.574.286)	(3.414.856.787)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	4.112.793.865	1.933.674.035
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>822.558.773</b>	<b>386.734.807</b>

**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế.

**6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- |   |                                   |
|---|-----------------------------------|
| 1. HCL Technologies UK Limited                    | Công ty mẹ                        |
| 2. HCL Technologies Limited                       | Công ty mẹ sau cùng               |
| 3. Các công ty thành viên trong cùng Tập đoàn HCL | Công ty thành viên thuộc Tập đoàn |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/03/2023 VND	Tại ngày 01/04/2022 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng:</b>		
HCL Latin America Holding LLC - Panama Branch	1.675.472.625	107.923.390
Filial Espanola De HCL Technologies S.L	813.722.764	550.144.854
PT HCL Technologies Indonesia Limited	809.578.509	458.689.309
Các bên liên quan khác	4.448.273.033	4.626.676.369
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.2</b>	<b>7.747.046.931</b>	<b>5.743.433.922</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn - Xem thêm Mục 4.3:</b>		
Công ty TNHH HCL Việt Nam	1.126.110.265	1.133.169.425
<b>Phải trả người bán ngắn hạn:</b>		
HCL Technologies Limited	(11.229.083.890)	(6.233.600.706)
HCL Singapore Pte Limited	(590.599.503)	(395.104.617)
HCL Technologies (Shanghai) Limited	(554.374.154)	(581.254.818)
Các bên liên quan khác	(4.988.982.985)	(2.557.041.762)
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.8</b>	<b>(17.363.040.532)</b>	<b>(9.767.001.903)</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn:</b>		
HCL Japan Limited	(2.984.119.311)	(3.039.467.942)
HCL Technologies (PTY) Limited	(474.678.616)	-
HCL Technologies Corporate Services Limited	(467.494.268)	-
Các bên liên quan khác	(793.143.250)	(909.729.373)
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.9</b>	<b>(4.719.435.445)</b>	<b>(3.949.197.315)</b>
<b>Chi phí lãi vay phải trả - Xem thêm Mục 4.11:</b>		
HCL Singapore Pte Limited	(725.212.593)	(448.345.688)



**CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	<b>Tại ngày 31/03/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/04/2022 VND</b>
Chi phí phải trả ngắn hạn:		
HCL Technologies Bulgaria Eood	(225.413.948)	-
HCL Guatemala, Sociedad Anónima	(154.766.561)	-
HCL Technologies Romania s.r.l.	(84.528.757)	-
HCL Technologies Limited	(46.697.423)	(876.257.867)
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.11</b>	<b>(511.406.689)</b>	<b>(876.257.867)</b>
Vay dài hạn - Xem thêm Mục 4.12:		
HCL Singapore Pte Limited	(5.903.000.000)	(5.742.500.000)
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Cung cấp dịch vụ:		
HCL Technologies France SAS	2.214.270.725	415.010.909
HCL America Inc.	1.835.979.833	542.775.827
HCL Latin America Holding LLC - Panama Branch	1.567.549.235	107.923.390
Filial Espanola De HCL Technologies S.L	813.722.764	942.392.887
Các bên liên quan khác	6.194.076.295	9.481.706.986
<b>Cộng - Xem thêm Mục 5.1</b>	<b>12.625.598.852</b>	<b>11.489.809.999</b>
Mua dịch vụ:		
HCL Technologies Limited	4.612.466.612	2.100.781.778
Các bên liên quan khác	2.952.806.119	2.387.111.424
<b>Cộng</b>	<b>7.565.272.731</b>	<b>4.487.893.202</b>
Chi phí lãi vay - Xem thêm Mục 5.4:		
HCL Singapore Pte Limited	293.368.167	(76.459.237)

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**7. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/03/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

**Phê duyệt**

**Người lập**

  
**Sundaram Sridharan**  
**Tổng Giám đốc**  
TP. Hồ Chí Minh, 22 tháng 06 năm 2023

  
**Nguyễn Thị Thảo**  
**Phụ trách Kế toán**

